ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	Mã nguồn NS	Tổng hợp				KHỐI TRƯỜNG THPT				THPT MƯỜNG ÁNG		
		DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng
						Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí												
1. Số thu						-						
2. Số thu nộp Ngân sách						-						
3. Số thu được để lại chi						-						
II. Dự toán chi NSNN		**522.240.454**	**12.719.492**	**12.719.492**	**522.240.454**	**289.805.105**	**2.465.725**	**4.049.391**	**291.388.771**	**9.671.857**	**193.712**	**3.640**
Tổng số chi		**522.240.454**	**12.719.492**	**12.719.492**	**522.240.454**	**289.805.105**	**2.465.725**	**4.049.391**	**291.388.771**	**9.671.857**	**193.712**	**3.640**
1. Sự nghiệp Giáo dục		**442.233.100**	**6.288.614**	**6.288.614**	**442.233.100**	**289.805.105**	**2.465.725**	**4.049.391**	**291.388.771**	**9.671.857**	**193.712**	**3.640**
Trong đó												
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13	296.828.517	3.550.000	3.550.000	296.828.517	214.551.600	754.000	2.639.000	216.436.600	7.388.857		
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		145.404.583	2.738.614	2.738.614	145.404.583	75.253.505	1.711.725	1.410.391	71.776.184	2.283.000	193.712	3.640
Trong đó:												
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương	12	900.000	500.000	-	400.000	-	-	-	-			
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009	12	6.448.000	160.200	160.200	6.448.000	-	-	-	-			
+ Đào tạo học sinh Lào	12	-	-	319.000	319.000							
+ Chi quan hệ hợp tác Lào	12	-	-	155.000	155.000	-	-	-	-			
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)	12	384.000	-	26.000	410.000	384.000	-	26.000	410.000			
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	12	15.901.559	627.510	911.550	16.185.599	15.621.559	627.510	873.700	15.867.749	675.000	52.800	
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	12	2.674.023	720.540	22.969	1.976.452	1.804.946	461.819	7.199	1.350.326	65.000	9.623	
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	12	50.541.000	176.948	176.948	50.541.000	50.541.000	176.948	176.948	50.541.000	1.516.000	129.305	
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP	12	400.000	51.752	28.408	376.656	258.000	37.760	3.584	223.824	7.000	1.984	
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT	12	795.000	407.688	352.720	740.032	790.000	407.688	322.960	705.272	20.000		3.640
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP	12	52.138.000	93.976	585.819	52.629.843	-	-	-	-			
2. Sự nghiệp đào tạo		**51.968.390**	**1.930.878**	**1.930.878**	**51.968.390**							
Trong đó												
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		**32.651.500**	**1.930.878**	**1.930.878**	**32.651.500**							
+ Đào tạo học sinh Lào	12	-	-	55.000	55.000							
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025	12	696.000	523.000	-	173.000							

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	Mã nguồn NS	Tổng hợp				KHỐI TRƯỜNG THPT				THPT MƯỜNG ẢNG		
		DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng
						Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	12	1.196.000	-	220.000	1.416.000							
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông	12	700.000	620.000	-	80.000							
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm	12	500.000	-	395.160	895.160		-	-	-	-	-	-
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5	12	-	-	290.000	290.000							
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm	12	-	-	100.000	100.000							
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)	12	2.349.000	149.588	-	2.199.412							
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)	12	1.794.000	638.290	-	1.155.710							
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp	12	-	-	638.290	638.290							
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP	12	20.000.000		232.428	20.232.428							
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)		**17.842.839**	**4.500.000**	**4.500.000**	**17.842.839**							
Trong đó												
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)		**17.762.839**	**4.500.000**	**4.500.000**	**17.762.839**							
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)	12	15.743.000	4.033.989	-	11.709.011							
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)	12	-	-	3.750.000	3.750.000							
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)	12	-	-	750.000	750.000							
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)	12	2.019.839	466.011	-	1.553.828							

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG		THPT MƯỜNG CHÀ				THPT TUẦN GIÁO				THPT THỊ XÃ MƯỜNG LAY			
	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí													
1. Số thu													
2. Số thu nộp Ngân sách													
3. Số thu được để lại chi													
II. Dự toán chi NSNN	**9.481.785**	**13.054.073**	**488.670**	**5.760**	**12.571.163**	**14.636.442**	**238.038**	**292.508**	**14.511.912**	**7.840.670**	**58.972**	**119.200**	**7.900.898**
Tổng số chi	**9.481.785**	**13.054.073**	**488.670**	**5.760**	**12.571.163**	**14.636.442**	**238.038**	**292.508**	**14.511.912**	**7.840.670**	**58.972**	**119.200**	**7.900.898**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**9.481.785**	**13.054.073**	**488.670**	**5.760**	**12.571.163**	**14.636.442**	**238.038**	**292.508**	**14.511.912**	**7.840.670**	**58.972**	**119.200**	**7.900.898**
Trong đó													
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.388.857	7.596.213	454.000		7.142.213	9.750.000		75.000	9.825.000	6.049.670		100.000	6.149.670
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.092.928	5.457.860	34.670	5.760	5.428.950	4.886.442	238.038	217.508	4.686.912	1.791.000	58.972	19.200	1.751.228
Trong đó:													
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương	-				-				-				-
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009	-				-				-				-
+ Đào tạo học sinh Lào													
+ Chi quan hệ hợp tác Lào	-				-				-				-
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)	-				-				-				-
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	622.200	1.021.860	24.360		997.500	1.078.550	102.050		976.500	372.000	42.750		329.250
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	55.377	94.000	10.310		83.690	213.892	135.988		77.904	39.000	1.686		37.314
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	1.386.695	4.342.000			4.342.000	3.391.000		176.948	3.567.948	1.306.000			1.306.000
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP	5.016				-				-	64.000	14.536		49.464
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT	23.640			5.760	5.760	24.000		40.560	64.560	10.000		19.200	29.200
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP	-				-				-				-
2. Sự nghiệp đào tạo													
Trong đó													
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													
+ Đào tạo học sinh Lào													
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025													

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG		THPT MƯỜNG CHÀ				THPT TUẦN GIÁO				THPT THỊ XÃ MƯỜNG LAY			
	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa													
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông													
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5													
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm													
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)													
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)													
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp													
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP													
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)													
Trong đó													
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)													
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)													
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)													
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)													
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)													

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	THPT THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ				THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN				THPT LÊ QUÝ ĐÔN				THPT TI	
	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí														
1. Số thu														
2. Số thu nộp Ngân sách														
3. Số thu được để lại chi														
II. Dự toán chi NSNN	**14.953.008**	**12.546**	**-**	**14.940.462**	**12.105.072**	**125.320**	**-**	**11.911.752**	**20.248.000**	**1.998**	**881.950**	**20.954.965**	**9.755.000**	**123.330**
Tổng số chi	**14.953.008**	**12.546**	**-**	**14.940.462**	**12.105.072**	**125.320**	**-**	**11.911.752**	**20.248.000**	**1.998**	**881.950**	**20.954.965**	**9.755.000**	**123.330**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**14.953.008**	**12.546**	**-**	**14.940.462**	**12.105.072**	**125.320**	**-**	**11.911.752**	**20.248.000**	**1.998**	**881.950**	**20.954.965**	**9.755.000**	**123.330**
Trong đó														
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.764.008			14.764.008	11.200.072	100.000		11.100.072	16.915.000		854.000	17.769.000	6.450.000	
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	189.000	12.546	-	176.454	905.000	25.320	-	811.680	3.333.000	1.998	27.950	3.185.965	3.305.000	123.330
Trong đó:														
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương				-				-				-		
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009				-				-				-		
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Chi quan hệ hợp tác Lào				-				-				-		
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)				-				-	384.000		26.000	410.000		
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	93.000	12.000		81.000	326.000	10.700		315.300	60.000		1.950	61.950	723.000	116.700
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	9.000	546		8.454	62.000	3.272		58.728	3.000	910		2.090	67.000	6.630
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	87.000			87.000	429.000	11.100		417.900	21.000			21.000	2.332.000	
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP				-				-	14.000	1.088		12.912		
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT				-	20.000	248		19.752				-		
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP				-				-				-		
2. Sự nghiệp đào tạo														
Trong đó														
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	THPT THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ				THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN				THPT LÊ QUÝ ĐÔN				THPT TI	
	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa														
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông														
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5														
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm														
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)														
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)														
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp														
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP														
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)														
Trong đó														
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)														
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	ỦA CHÙA		THPT PHAN ĐÌNH GIÓT				THPT TRẦN CAN				THPT THANH CHĂN		
	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí													
1. Số thu													
2. Số thu nộp Ngân sách													
3. Số thu được để lại chi													
II. Dự toán chi NSNN	**-**	**9.448.670**	**13.962.000**	**44.124**	**348.000**	**14.265.876**	**13.459.000**	**4.912**	**67.770**	**13.417.858**	**12.791.600**	**59.838**	**41.220**
Tổng số chi	**-**	**9.448.670**	**13.962.000**	**44.124**	**348.000**	**14.265.876**	**13.459.000**	**4.912**	**67.770**	**13.417.858**	**12.791.600**	**59.838**	**41.220**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**-**	**9.448.670**	**13.962.000**	**44.124**	**348.000**	**14.265.876**	**13.459.000**	**4.912**	**67.770**	**13.417.858**	**12.791.600**	**59.838**	**41.220**
Trong đó													
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		6.450.000	10.821.000		348.000	11.169.000	7.272.000			7.272.000	11.428.600		
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	2.998.670	3.141.000	44.124	-	3.096.876	6.187.000	4.912	67.770	6.145.858	1.363.000	59.838	41.220
Trong đó:													
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương		-				-				-			
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009		-				-				-			
+ Đào tạo học sinh Lào													
+ Chi quan hệ hợp tác Lào		-				-				-			
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)		-				-				-			
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP		606.300	592.000	41.500		550.500	994.000		55.250	1.049.250	249.000		34.500
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP		60.370	48.000	2.624		45.376	90.000	4.912		85.088	63.000	23.295	
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP		2.332.000	2.501.000			2.501.000	4.999.000			4.999.000	992.000	36.543	
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP		-				-				-			
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT		-				-			12.520	12.520	5.000		6.720
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP		-				-				-			
2. Sự nghiệp đào tạo													
Trong đó													
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													
+ Đào tạo học sinh Lào													
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025													

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	ỦA CHÙA		THPT PHAN ĐÌNH GIÓT				THPT TRẦN CAN				THPT THANH CHĂN		
	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa													
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông													
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5													
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm													
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)													
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)													
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp													
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP													
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)													
Trong đó													
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)													
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)													
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)													
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)													
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)													

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG		THPT NÀ TÁU				THPT MƯỜNG LUÂN				THPT BÚNG LAO				
	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí														
1. Số thu														
2. Số thu nộp Ngân sách														
3. Số thu được để lại chi														
II. Dự toán chi NSNN	**12.718.982**	**6.867.000**	**16.638**	**18.640**	**6.669.002**	**9.171.915**	**57.316**	**21.120**	**9.110.719**	**11.470.000**	**20.712**	**79.360**	**11.092.648**	**8.284.468**
Tổng số chi	**12.718.982**	**6.867.000**	**16.638**	**18.640**	**6.669.002**	**9.171.915**	**57.316**	**21.120**	**9.110.719**	**11.470.000**	**20.712**	**79.360**	**11.092.648**	**8.284.468**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**12.718.982**	**6.867.000**	**16.638**	**18.640**	**6.669.002**	**9.171.915**	**57.316**	**21.120**	**9.110.719**	**11.470.000**	**20.712**	**79.360**	**11.092.648**	**8.284.468**
Trong đó														
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.428.600	6.172.000			6.172.000	6.352.915			6.352.915	7.102.000			7.102.000	6.031.468
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.290.382	695.000	16.638	18.640	497.002	2.819.000	57.316	21.120	2.757.804	4.368.000	20.712	79.360	3.990.648	2.253.000
Trong đó:														
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương	-								-				-	
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009	-				-				-				-	
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Chi quan hệ hợp tác Lào	-				-				-				-	
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)	-				-				-				-	
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	283.500	179.000	13.400		165.600	741.000	45.900		695.100	939.000		44.400	983.400	490.000
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	39.705	16.000	3.238		12.762	67.000	11.416		55.584	94.000	10.712		83.288	43.000
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	955.457	295.000			295.000	1.966.000			1.966.000	2.889.000			2.889.000	1.680.000
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP	-				-				-	10.000	10.000		-	
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT	11.720	5.000		18.640	23.640	20.000		21.120	41.120			34.960	34.960	15.000
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP	-				-				-				-	
2. Sự nghiệp đào tạo														
Trong đó														
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG		THPT NÀ TÁU				THPT MƯỜNG LUÂN				THPT BÚNG LAO				
	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa														
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông														
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5														
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm														
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)														
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)														
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp														
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP														
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)														
Trong đó														
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)														
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	THPT MƯỜNG NHÀ			THPT MÙN CHUNG				THPT MƯỜNG NHÉ				THPT CHÀ CANG		
	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí														
1. Số thu														
2. Số thu nộp Ngân sách														
3. Số thu được để lại chi														
II. Dự toán chi NSNN	**20.922**	**2.680**	**8.241.226**	**8.778.000**	**14.460**	**374.520**	**8.938.060**	**20.475.067**	**3.136**	**432.960**	**20.769.891**	**11.031.747**	**56.191**	**112.480**
Tổng số chi	**20.922**	**2.680**	**8.241.226**	**8.778.000**	**14.460**	**374.520**	**8.938.060**	**20.475.067**	**3.136**	**432.960**	**20.769.891**	**11.031.747**	**56.191**	**112.480**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**20.922**	**2.680**	**8.241.226**	**8.778.000**	**14.460**	**374.520**	**8.938.060**	**20.475.067**	**3.136**	**432.960**	**20.769.891**	**11.031.747**	**56.191**	**112.480**
Trong đó														
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			6.031.468	5.464.000		338.000	5.802.000	14.650.067		250.000	14.900.067	7.062.000		100.000
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	20.922	2.680	2.209.758	3.314.000	14.460	36.520	3.136.060	5.825.000	3.136	182.960	5.869.824	3.969.747	56.191	12.480
Trong đó:														
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương			-				-				-			
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009			-				-				-			
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Chi quan hệ hợp tác Lào			-				-				-			
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)			-				-				-			
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	18.250		471.750	692.000	11.000		681.000	1.000.000		162.800	1.162.800	754.000	38.500	
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	2.672		40.328	60.000	3.460		56.540	94.000	3.136		90.864	69.747	7.539	
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP			1.680.000	2.328.000			2.328.000	4.581.000			4.581.000	2.947.000		
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP			-				-				-	135.000	10.152	
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT		2.680	17.680	34.000		36.520	70.520	15.000		20.160	35.160	5.000		12.480
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP			-				-				-			
2. Sự nghiệp đào tạo														
Trong đó														
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	THPT MƯỜNG NHÀ			THPT MÙN CHUNG				THPT MƯỜNG NHÉ				THPT CHÀ CANG		
	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa														
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông														
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5														
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm														
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)														
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)														
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp														
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP														
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)														
Trong đó														
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)														
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Đơ

NỘI DUNG		THCS & THPT TẢ SÌN THÀNG				THPT THANH NƯA				THPT NẬM PỒ				
	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí														
1. Số thu														
2. Số thu nộp Ngân sách														
3. Số thu được để lại chi														
II. Dự toán chi NSNN	**11.029.036**	**9.861.149**	**167.097**	**29.310**	**9.523.362**	**8.920.000**	**70.777**	**244.000**	**8.893.223**	**11.046.237**	**27.455**	**41.880**	**11.005.662**	**9.061.000**
Tổng số chi	**11.029.036**	**9.861.149**	**167.097**	**29.310**	**9.523.362**	**8.920.000**	**70.777**	**244.000**	**8.893.223**	**11.046.237**	**27.455**	**41.880**	**11.005.662**	**9.061.000**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**11.029.036**	**9.861.149**	**167.097**	**29.310**	**9.523.362**	**8.920.000**	**70.777**	**244.000**	**8.893.223**	**11.046.237**	**27.455**	**41.880**	**11.005.662**	**9.061.000**
Trong đó														
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.162.000	6.101.000			6.101.000	7.049.000		244.000	7.293.000	6.674.237			6.674.237	8.553.000
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.867.036	3.760.149	167.097	29.310	3.422.362	1.871.000	70.777	-	1.600.223	4.372.000	27.455	41.880	4.331.425	508.000
Trong đó:														
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương	-				-				-				-	
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009	-				-				-				-	
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Chi quan hệ hợp tác Lào	-				-				-				-	
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)	-				-				-				-	
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	715.500	819.149		23.550	842.699	467.000	68.900		398.100	912.000	25.500		886.500	44.000
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	62.208	230.000	167.097		62.903	37.000	1.877		35.123	82.000	1.955		80.045	2.000
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	2.947.000	2.511.000			2.511.000	1.167.000			1.167.000	3.289.000			3.289.000	6.000
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP	124.848				-				-				-	28.000
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT	17.480			5.760	5.760				-	34.000		41.880	75.880	
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP	-				-				-				-	
2. Sự nghiệp đào tạo														
Trong đó														
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG		THCS & THPT TẢ SÌN THÀNG				THPT THANH NƯA				THPT NẬM PỒ				
	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa														
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông														
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm	-	-	-	-	-	-	-							-
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5														
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm														
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)														
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)														
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp														
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP														
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)														
Trong đó														
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)														
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

n vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	THPT LƯƠNG THẾ VINH			THCS-THPT QUÀI TỞ				THCS-THPT QUYẾT TIẾN				PTDTNT TỈNH		
	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí														
1. Số thu														
2. Số thu nộp Ngân sách														
3. Số thu được để lại chi														
II. Dự toán chi NSNN	**3.200**	**184.007**	**8.813.807**	**17.012.307**	**607.440**	**349.776**	**16.584.643**	**15.349.493**	**48.921**	**398.610**	**15.417.182**	**22.182.285**	**3.610**	**322.624**
Tổng số chi	**3.200**	**184.007**	**8.813.807**	**17.012.307**	**607.440**	**349.776**	**16.584.643**	**15.349.493**	**48.921**	**398.610**	**15.417.182**	**22.182.285**	**3.610**	**322.624**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**3.200**	**184.007**	**8.813.807**	**17.012.307**	**607.440**	**349.776**	**16.584.643**	**15.349.493**	**48.921**	**398.610**	**15.417.182**	**22.182.285**	**3.610**	**322.624**
Trong đó														
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		180.000	8.733.000	14.170.000	200.000		13.970.000	9.534.493		150.000	9.684.493	11.778.000		242.000
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.200	4.007	80.807	2.842.307	407.440	349.776	2.614.643	5.815.000	48.921	248.610	5.732.689	10.404.285	3.610	80.624
Trong đó:														
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương			-				-				-			
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009			-				-				-	1.080.000		55.800
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Chi quan hệ hợp tác Lào			-				-				-			
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)			-				-				-			
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	3.200		40.800	1.100.000		343.000	1.443.000	1.300.000		208.250	1.508.250			
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP		423	2.423	96.307		6.776	103.083	160.000	48.921		111.079	98.285	3.610	
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP			6.000	917.000			917.000	4.049.000			4.049.000			
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP		3.584	31.584				-				-	100.000		24.824
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT			-	559.000	407.440		151.560	24.000		40.360	64.360			
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP			-				-				-	8.888.000		
2. Sự nghiệp đào tạo														
Trong đó														
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	THPT LƯƠNG THẾ VINH			THCS-THPT QUÀI TỞ				THCS-THPT QUYẾT TIẾN				PTDTNT TỈNH		
	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa														
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông														
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm	-	-	-	-	-									
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5														
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm														
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)														
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)														
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp														
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP														
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)														
Trong đó														
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)														
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG		KHỐI TRƯỜNG DTNT HUYỆN				DTNT HUYỆN ĐIỆN BIÊN				DTNT HUYỆN TỦA CHÙA			
	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí		-											
1. Số thu		-											
2. Số thu nộp Ngân sách		-											
3. Số thu được để lại chi		-											
II. Dự toán chi NSNN	**22.263.299**	**109.251.089**	**89.249.037**	**88.311.806**	**152.851.720**	**13.842.757**	**189.236**	**-**	**13.653.521**	**12.932.775**	**-**	**133.420**	**13.066.195**
Tổng số chi	**22.263.299**	**109.251.089**	**89.249.037**	**88.311.806**	**152.851.720**	**13.842.757**	**189.236**	**-**	**13.653.521**	**12.932.775**	**-**	**133.420**	**13.066.195**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**22.263.299**	**109.251.089**	**89.249.037**	**88.311.806**	**152.851.720**	**13.842.757**	**189.236**	**-**	**13.653.521**	**12.932.775**	**-**	**133.420**	**13.066.195**
Trong đó													
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.020.000	59.912.709	1.200.000	450.000	59.162.709	7.861.987			7.861.987	6.799.000		96.000	6.895.000
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.243.299	49.338.380	88.049.037	87.861.806	93.689.011	5.980.770	189.236	-	5.791.534	6.133.775	-	37.420	6.171.195
Trong đó:													
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương	-	-	-		-				-				-
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009	1.135.800	5.368.000	160.200	104.400	5.312.200	629.000	4.400		624.600	675.000		36.000	711.000
+ Đào tạo học sinh Lào													
+ Chi quan hệ hợp tác Lào	-	-	-	-	-				-				-
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)	-	-	-	-	-				-				-
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	-	-	-	-	-				-				-
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	94.675	551.380	105.600	11.145	456.925	176.770	105.600		71.170	58.775		1.420	60.195
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	-	-	-	-	-				-				-
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP	124.824	42.000	13.992	-	28.008	25.000	8.836		16.164				-
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT	-	-	-	-	-				-				-
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP	8.888.000	43.250.000	93.976	585.819	43.741.843	5.150.000	70.400		5.079.600	5.400.000			5.400.000
2. Sự nghiệp đào tạo													
Trong đó													
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													
+ Đào tạo học sinh Lào		-											
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025		-											

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG		KHỐI TRƯỜNG DTNT HUYỆN				DTNT HUYỆN ĐIỆN BIÊN				DTNT HUYỆN TỦA CHÙA			
	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa		-											
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông		-											
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm		-											
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5		-											
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm		-											
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)		-											
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)		-											
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp		-											
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP													
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)													
Trong đó													
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)													
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)		-											
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)		-											
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)		-											
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)		-											

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	DTNT HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG				DTNT HUYỆN TUẦN GIÁO				DTNT HUYỆN MƯỜNG CHÀ				DTNT HUYỆN
	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí														
1. Số thu														
2. Số thu nộp Ngân sách														
3. Số thu được để lại chi														
II. Dự toán chi NSNN	**12.502.000**	**25.376**	**50.775**	**12.527.399**	**13.496.930**	**1.800**	**910**	**13.496.040**	**12.883.679**	**1.350.400**	**1.555**	**11.441.363**	**16.004.662**	**5.156**
Tổng số chi	**12.502.000**	**25.376**	**50.775**	**12.527.399**	**13.496.930**	**1.800**	**910**	**13.496.040**	**12.883.679**	**1.350.400**	**1.555**	**11.441.363**	**16.004.662**	**5.156**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**12.502.000**	**25.376**	**50.775**	**12.527.399**	**13.496.930**	**1.800**	**910**	**13.496.040**	**12.883.679**	**1.350.400**	**1.555**	**11.441.363**	**16.004.662**	**5.156**
Trong đó														
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.206.000		50.000	6.256.000	7.202.000			7.202.000	6.761.614	1.200.000		5.561.614	9.690.822	
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.296.000	25.376	775	6.271.399	6.294.930	1.800	910	6.294.040	6.122.065	150.400	1.555	5.879.749	6.313.840	5.156
Trong đó:														
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương								-				-		
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009	693.000	1.800		691.200	693.000	1.800		691.200	671.000	150.400		520.600	693.000	
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Chi quan hệ hợp tác Lào								-				-		
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)								-				-		
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP								-				-		
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	53.000		775	53.775	51.930		910	52.840	51.065		1.555	52.620	53.840	
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP								-				-		
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP								-				-	17.000	5.156
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT				-				-				-		
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP	5.550.000	23.576		5.526.424	5.550.000			5.550.000	5.400.000			5.400.000	5.550.000	
2. Sự nghiệp đào tạo														
Trong đó														
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	DTNT HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG				DTNT HUYỆN TUẦN GIÁO				DTNT HUYỆN MƯỜNG CHÀ				DTNT HUYỆN	
	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa														
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông														
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm														
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5														
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm														
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)														
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)														
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp														
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP														
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)														
Trong đó														
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)														
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	MƯỜNG NHÉ		DTNT HUYỆN MƯỜNG ẢNG				DTNT HUYỆN NẬM PỒ				TRUNG TÂM GDTX TỈNH			
	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí														
1. Số thu														
2. Số thu nộp Ngân sách														
3. Số thu được để lại chi														
II. Dự toán chi NSNN	**924.554**	**16.924.060**	**14.720.286**	**-**	**38.145**	**14.758.431**	**12.868.000**	**1.800**	**2.005**	**12.741.205**	**3.993.412**	**149.511**	**665.780**	**4.509.681**
Tổng số chi	**924.554**	**16.924.060**	**14.720.286**	**-**	**38.145**	**14.758.431**	**12.868.000**	**1.800**	**2.005**	**12.741.205**	**3.993.412**	**149.511**	**665.780**	**4.509.681**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**924.554**	**16.924.060**	**14.720.286**	**-**	**38.145**	**14.758.431**	**12.868.000**	**1.800**	**2.005**	**12.741.205**	**3.993.412**	**149.511**	**665.780**	**4.509.681**
Trong đó														
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	304.000	9.994.822	8.477.286			8.477.286	6.914.000			6.914.000	3.596.000		219.000	3.815.000
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	620.554	6.929.238	6.243.000	-	38.145	6.281.145	5.954.000	1.800	2.005	5.827.205	397.412	149.511	446.780	694.681
Trong đó:														
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương		-				-				-				-
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009	33.300	726.300	684.000		35.100	719.100	630.000	1.800		628.200				-
+ Đào tạo học sinh Lào													319.000	319.000
+ Chi quan hệ hợp tác Lào		-				-				-			126.180	126.180
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)		-				-				-				-
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP		-				-				-	191.000		1.600	192.600
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	1.435	55.275	59.000		3.045	62.045	47.000		2.005	49.005	206.412	149.511		56.901
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP		-				-				-				-
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP		11.844				-				-				-
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT		-				-				-				-
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP	585.819	6.135.819	5.500.000			5.500.000	5.150.000			5.150.000				-
2. Sự nghiệp đào tạo														
Trong đó														
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	MƯỜNG NHÉ		DTNT HUYỆN MƯỜNG ẢNG				DTNT HUYỆN NẬM PỒ				TRUNG TÂM GDTX TỈNH			
	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa														
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông														
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm														
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5														
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm														
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)														
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)														
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp														
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP														
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)														
Trong đó														
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)														
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)														
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)														

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính nghìn đồng

NỘI DUNG	TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ-TIN HỌC				TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP				TRƯỜNG CĐSP TỈNH				
	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm
	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 490-khoản 093	Loại 490-khoản 093	Loại 490-khoản 093	Loại 490-khoản 093	TỔNG SỐ
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí													
1. Số thu													
2. Số thu nộp Ngân sách													
3. Số thu được để lại chi													
II. Dự toán chi NSNN	**1.435.000**	**-**	**-**	**1.435.000**	**3.658.000**	**-**	**70.635**	**3.728.635**	**45.233.390**	**-**	**1.365.878**	**46.599.268**	**36.486.040**
Tổng số chi	**1.435.000**	**-**	**-**	**1.435.000**	**3.658.000**	**-**	**70.635**	**3.728.635**	**45.233.390**	**-**	**1.365.878**	**46.599.268**	**36.486.040**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**1.435.000**	**-**	**-**	**1.435.000**	**3.658.000**	**-**	**70.635**	**3.728.635**	**-**	**-**	**-**	**-**	**11.908.201**
Trong đó													
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.435.000			1.435.000	3.551.000			3.551.000					2.004.201
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-	-	-	107.000	-	70.635	177.635	-	-			9.904.000
Trong đó:													
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương								-					900.000
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009								-					-
+ Đào tạo học sinh Lào													
+ Chi quan hệ hợp tác Lào								-					-
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)								-					-
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP					89.000		36.250	125.250					-
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP					13.000		4.625	17.625					-
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP								-					-
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP								-					-
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT				-	5.000		29.760	34.760					-
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP				-				-					-
2. Sự nghiệp đào tạo			**290.000**	**290.000**					**45.233.390**	**-**	**1.365.878**	**46.599.268**	**6.735.000**
Trong đó													
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			**290.000**	**290.000**					**25.916.500**	**-**	**1.365.878**	**27.282.378**	**6.735.000**
+ Đào tạo học sinh Lào													-
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025													696.000

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ-TIN HỌC				TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP				TRƯỜNG CĐSP TỈNH				
	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm
	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 490-khoản 093	Loại 490-khoản 093	Loại 490-khoản 093	Loại 490-khoản 093	TỔNG SỐ
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa													1.196.000
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông													700.000
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm									500.000		395.160	895.160	-
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5			290.000	290.000								-	-
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm											100.000	100.000	-
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)												-	2.349.000
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)												-	1.794.000
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp											638.290	638.290	-
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP									20.000.000		232.428	20.232.428	
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)										-		-	**17.842.839**
Trong đó													
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)									-	-			**17.762.839**
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)													15.743.000
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)													-
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)													-
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)													2.019.839

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính nghìn đồng - - - Đơn vị tính ng

NỘI DUNG	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm
	TỔNG SỐ	TỔNG SỐ	TỔNG SỐ	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 073	Loại 070 khoản 073	Loại 070 khoản 073	Loại 070 khoản 073	Loại 070 khoản 074	Loại 070 khoản 074
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí													
1. Số thu													
2. Số thu nộp Ngân sách													
3. Số thu được để lại chi													
II. Dự toán chi NSNN	**8.526.878**	**4.803.820**	**32.762.982**	**2.019.839**	**466.011**	**750.000**	**2.303.828**	**-**	**-**	**3.750.000**	**3.750.000**	**25.651.201**	**4.533.989**
Tổng số chi	**8.526.878**	**4.803.820**	**32.762.982**	**2.019.839**	**466.011**	**750.000**	**2.303.828**	**-**	**-**	**3.750.000**	**3.750.000**	**25.651.201**	**4.533.989**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**2.096.000**	**28.820**	**9.841.021**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**9.908.201**	**500.000**
Trong đó													
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.596.000	-	408.201				-				-	2.004.201	
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	500.000	28.820	9.432.820		-	-	-		-	-	-	7.904.000	500.000
Trong đó:													
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương	500.000	-	400.000				-				-	900.000	500.000
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009		-	-				-				-		
+ Đào tạo học sinh Lào													
+ Chi quan hệ hợp tác Lào	-	28.820	28.820				-				-		
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)	-	-	-				-				-		
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	-	-	-				-				-		
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	-	-	-				-				-		
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	-	-	-				-				-		
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP													
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT													
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP													
2. Sự nghiệp đào tạo	**1.930.878**	**275.000**	**5.079.122**		**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**		**-**
Trong đó													
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**1.930.878**	**275.000**	**5.079.122**										
+ Đào tạo học sinh Lào	-	55.000	55.000				-				-		
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025	523.000	-	173.000				-				-		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm
	TỔNG SỐ	TỔNG SỐ	TỔNG SỐ	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 073	Loại 070 khoản 073	Loại 070 khoản 073	Loại 070 khoản 073	Loại 070 khoản 074	Loại 070 khoản 074
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	-	220.000	1.416.000				-				-		
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông	620.000	-	80.000				-				-		
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm							-				-		
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5							-				-		
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm							-				-		
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)	149.588		2.199.412				-				-		
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)	638.290		1.155.710				-				-		
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp							-				-		
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP													
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)	**4.500.000**	**4.500.000**	**17.842.839**	**2.019.839**	**466.011**	**750.000**	**2.303.828**		**-**	**3.750.000**	**3.750.000**	**15.743.000**	**4.033.989**
Trong đó													
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)	**4.500.000**	**4.500.000**	**17.762.839**	**2.019.839**	**466.011**	**750.000**	**2.303.828**			**3.750.000**	**3.750.000**	**15.743.000**	**4.033.989**
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)	4.033.989	-	11.709.011				-				-	15.743.000	4.033.989
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)	-	3.750.000	3.750.000				-			3.750.000	3.750.000		
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)		750.000	750.000			750.000	750.000				-		
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)	466.011	-	1.553.828	2.019.839	466.011		1.553.828				-		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính : Triệu đồng

NỘI DUNG	N PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO													
	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại 070 khoản 074	Loại 070 khoản 074	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 085	Loại 070 khoản 085	Loại 070 khoản 085	Loại 070 khoản 085
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí														
1. Số thu														
2. Số thu nộp Ngân sách														
3. Số thu được để lại chi														
II. Dự toán chi NSNN	**28.820**	**21.146.032**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Tổng số chi	**28.820**	**21.146.032**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1. Sự nghiệp Giáo dục	**28.820**	**9.437.021**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Trong đó														
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		2.004.201												
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	28.820	7.432.820												
Trong đó:														
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương		400.000												
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009		-												
+ Đào tạo học sinh Lào														
+ Chi quan hệ hợp tác Lào	28.820	28.820												
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)		-												
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP		-												
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP		-												
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP		-												
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP														
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT														
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP														
2. Sự nghiệp đào tạo	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.892.000**	**523.000**	**275.000**	**1.644.000**	**700.000**	**620.000**	**-**	**80.000**
Trong đó														
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			**-**	**-**	**-**	**-**	**1.892.000**	**523.000**	**275.000**	**1.644.000**	**700.000**	**620.000**	**-**	**80.000**
+ Đào tạo học sinh Lào		-							55.000	55.000				
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025		-					696.000	523.000		173.000				-

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG	N PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO													
	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh
	Loại 070 khoản 074	Loại 070 khoản 074	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 085	Loại 070 khoản 085	Loại 070 khoản 085	Loại 070 khoản 085
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa		-					1.196.000		220.000	1.416.000				
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông		-				-					700.000	620.000		80.000
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm		-												
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5		-												
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm		-												
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)		-	2.349.000	149.588		2.199.412								
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)		-	1.794.000	638.290		1.155.710								
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp		-												
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP										-				
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)	**-**	**11.709.011**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Trong đó														
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)		**11.709.011**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)		11.709.011								-				
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)		-												
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)		-								-				
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)		-												

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ıghìn đồng -

NỘI DUNG	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	GHI CHÚ
	Loại 070 khoản 093	Loại 070 khoản 093	Loại 070 khoản 093	Loại 070 khoản 093	
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí					
1. Số thu					
2. Số thu nộp Ngân sách					
3. Số thu được để lại chi					
II. Dự toán chi NSNN					
Tổng số chi					
1. Sự nghiệp Giáo dục					
Trong đó					
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
Trong đó:					
+Kinh phí biên soạn tài liệu địa phương					
+ Hỗ trợ học sinh trường PTDTNT theo TT109/2009					
+ Đào tạo học sinh Lào					
+ Chi quan hệ hợp tác Lào					
+ Chi học bổng khuyến khích học sinh học tập (trường chuyên)					
+ Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP					
+ Hỗ trợ cấp bù, miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP					
+ Hỗ trợ theo NĐ 116/2016/NĐ-CP					
+ Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo NĐ 57/2017/NĐ-CP					
+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TT số 42/2013/TTLT					
+ Kinh phí hỗ trợ học bổng học sinh DTNT theo NĐ 84/2020/NĐ-CP					
2. Sự nghiệp đào tạo	-	-	-	-	
Trong đó					
2.1 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	
+ Đào tạo học sinh Lào				-	
+ Đề án hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025				-	

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:1289QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

NỘI DUNG					GHI CHÚ
	DT năm trước chuyển sang và DT giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều tăng	Dự toán sau điều chỉnh	
	Loại 070 khoản 093	Loại 070 khoản 093	Loại 070 khoản 093	Loại 070 khoản 093	
+ Đề án đào tạo cán bộ học sinh tỉnh Điện Biên tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa					
+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ hệ thống giáo dục phổ thông					
+ Trợ cấp xã hội sinh viên Sư phạm					
+ Đào tạo lớp học tiếng Nhật trình độ N5					
+ Kỷ niệm 60 năm thành lập trường Cao đẳng Sư phạm					
+ Cử tuyển (hỗ trợ học tập)					
+ Cử tuyển (cấp bù học phí)					
+Cấp bù học phí khối chuyên nghiệp					
+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo NĐ 116/2020/NĐ-CP					
3. Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương)	-	-	-	-	
Trong đó					
Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (mã CTMT: 0515)	-	-	-	-	
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (074)					
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (073)					
Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động củng cố PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT (072)					
Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (072)					